| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN**<br>**TỈNH BẮC GIANG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 66/2023/HNGĐ-ST
Ngày 22-9-2023
V/v: Tranh chấp ly hôn, con chung.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - chủ toạ phiên toà*: Bà Đoàn Thị Oanh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Quốc Sửu

Ông Trần Anh Dũng

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Vi Thị Lan Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:*** Bà Dương Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 147/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn, con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 199/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 171/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1984 (có mặt)

Nơi cư trú: thôn M, xã Ng, huyện T, tỉnh B.

*2. Bị đơn*: chị Triệu Thúy H, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Quê quán: thôn Th, xã V, huyện H, tỉnh L;

Nơi ĐKHKTT: thôn M, xã Ng, huyện T, tỉnh B.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/5/2023, bản tự khai và các lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:

Anh và chị Triệu Thúy H kết hôn tháng 10 năm 2013, anh chị được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Ng, huyện T, tỉnh B. Sau khi kết hôn, chị H về làm dâu nhà anh, vợ chồng ở chung cùng với bố mẹ tại thôn M, xã Ng. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 12 năm 2016, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Chị H đi làm công ty và có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Anh và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng chị H không nghe, nhiều lần tự ý bỏ đi ở trọ. Đến tháng 02 năm 2019 chị H bỏ đi hẳn, không về nhà và cũng không liên lạc gì với anh. Từ đó vợ chồng sống ly

thân, nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung: anh chị có 01 con chung là Nguyễn Minh Nh, sinh ngày 09/4/2014. Hiện con chung đang ở với anh, vợ chồng ly hôn anh xin được tiếp tục nuôi con chung, anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà anh L có mặt giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị H.

Về con chung: anh xin được tiếp tục nuôi con chung là Nguyễn Minh Nh, sinh ngày 09/4/2014, anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Triệu Thúy H trong quá trình giải quyết vụ án chị H không đến Tòa án làm việc, không nộp cho Tòa án bản tự khai trình bày ý kiến về việc anh Lân xin ly hôn với chị và yêu cầu giải quyết về con chung, tại phiên toà chị H vắng mặt.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đảm bảo theo quy định.

Đối với những người tham gia tố tụng: nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn xử cho anh Nguyễn Văn L được ly hôn chị Triệu Thúy H.

Về con chung: giao cho anh L nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Minh Nh, sinh ngày 09/4/2014, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Lân.

Về án phí: anh Nguyễn Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào ý kiến đề nghị của đương sự. Căn cứ vào kết quả thảo luận nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng: anh L khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết về con chung với chị H có nơi đăng ký hộ khẩu tại thôn M, xã Ng, huyện T, tỉnh B. Tòa án nhân dân huyện T đã thụ lý giải vụ án tranh chấp ly hôn và giải quyết về con chung là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

Tại phiên tòa chị H vắng mặt nhưng đã được triệu tập lần thứ hai nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị H là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: anh L và chị H kết hôn với nhau năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ng, huyện T. Sau khi kết hôn, anh chị đã có thời gian chung sống hạnh phúc. Đến tháng 12 năm 2016, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn anh L cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Chị H đi làm công ty và có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Từ tháng 02 năm 2019, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc nhau. Nay anh L xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh xin được ly hôn với chị H. Tại biên bản xác minh với chính quyền địa phương cho biết anh L kết hôn với chị Triệu Thúy H năm 2013, sau khi kết hôn chị H về làm dâu gia đình anh L, vợ chồng anh L sống cùng với bố mẹ anh L. Quá trình chung sống, vợ chồng anh L, chị H phát sinh mâu thuẫn do chị H có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, vợ chồng cãi nhau. Đến nay anh L xin ly hôn chị H đề nghị xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật. Tại biên bản làm việc với bà Hoàng Thị H là mẹ đẻ của anh L cho biết vợ chồng anh L, chị H chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chi H có người đàn ông khác. Đến nay anh L xin ly hôn chị Hoa đề nghị Tòa án giải quyết cho anh L ly hôn với chị H. Hội đồng xét xử thấy, anh L và chị H đã sống ly thân năm 2019, anh chị không quan tâm, chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần xử cho anh L được ly hôn chị H là phù hợp.

[3] Về con chung: anh L và chị H có 01 con chung là Nguyễn Minh Nh, sinh ngày 09/4/2014. Vợ chồng ly hôn, anh L xin được nuôi dưỡng con chung, anh L không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy: anh L và chị H có 01 con chung là Nguyễn Minh Nh chưa thành niên, anh L có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Nh. Anh L hiện làm nghề tự do có thu nhập khoảng 9.000.000 đồng/tháng nên đủ khả năng và điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Tại bản tự khai cháu Nh có nguyện vọng được ở với anh L. Để đảm bảo cho việc ổn định cuộc sống và học tập, chăm sóc cháu Nh nên cần giao cho anh L trực tiếp nuôi cháu Nh là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Do anh L tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh nên không buộc chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh L.

Sau khi ly hôn chị H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: anh L không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: anh L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm quy định điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Văn L được ly hôn chị Triệu Thúy H.

2.Về con chung: giao cho anh Nguyễn Văn L trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Minh Nh, sinh ngày 09/4/2014. Chị Triệu Thúy H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh L.

Sau khi ly hôn chị H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này.

3. Về án phí: anh Nguyễn Văn L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004926 ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Xác nhận anh Nguyễn Văn L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- UBND xã Ng;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Đoàn Thị Oanh**